

Số: 1812/QĐ-LTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Chứng chỉ Tin học trình độ A

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 04 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Điều lệ trường Cao đẳng”;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDĐT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 30/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo chương trình giáo dục thường xuyên;

Căn cứ vào kết quả kỳ kiểm tra Chứng chỉ Tin học trình độ A tổ chức ngày 22 tháng 11 năm 2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận cho 167 học viên đã đạt kỳ kiểm tra Chứng chỉ Tin học Quốc gia trình độ A tổ chức ngày 22/11/2015 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các học viên có tên ghi nơi Điều 1 được nhận Chứng chỉ Tin học Quốc gia trình độ A và được hưởng mọi quyền lợi theo qui định.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng và các học viên có tên ghi nơi Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TTĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ TIN HỌC TRÌNH ĐỘ A

Kỳ kiểm tra tháng 11/2015 - Ngày kiểm tra: 22/11/2015

(Kèm theo Quyết định số 1812/QĐ-LTT ngày 02 tháng 12 năm 2015
của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Nơi sinh	LT	TH	TB	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
1	HVN	Long Phan Bình An	13/12/2003	Tp.HCM	7.5	4.0	5.8	Trung bình	
2	13D2050002	Hồ Tuấn Anh	10/08/1994	Tp.HCM	10.0	7.0	8.5	Giỏi	
3	14000015	Nguyễn Đức Anh	05/11/1996	TP.HCM	5.5	4.5	5.0	Trung bình	
4	14000540	Đỗ Hồng Bạch	03/01/1996	Bình Thuận	8.0	6.5	7.3	Khá	
5	13D301Đ006	Dương Hồng Bảo	29/09/1995	Bình Định	9.0	8.5	8.8	Giỏi	
6	13D301Đ010	Trần Đình Bầy	06/06/1995	Đắk Lắk	8.0	3.0	5.5	Trung bình	
7	13D2060005	Phạm Quốc Bình	11/01/1995	Đồng Tháp	9.0	9.0	9.0	Giỏi	
8	14000018	Thái Thanh Bình	11/05/1993	Tây Ninh	5.0	6.0	5.5	Trung bình	
9	13D2010019	Nguyễn Ngọc Chương	04/10/1994	Quảng Ngãi	7.5	3.5	5.5	Trung bình	
10	12D2010014	Đông Đăng Cường	05/11/1995	Bắc Ninh	7.5	8.5	8.0	Giỏi	
11	13D2050015	Phạm Quốc Cường	06/12/1995	Bình Phước	7.5	7.0	7.3	Khá	
12	13D301Đ022	Phạm Duy Cường	22/07/1995	Long An	6.0	4.0	5.0	Trung bình	
13	14000088	Trần Thế Cường	06/08/1993	Bến Tre	8.0	3.5	5.8	Trung bình	
14	13B3080016	Nguyễn Quang Đại	05/08/1995	Khánh Hòa	6.0	5.5	5.8	Trung bình	
15	13D2050029	Phạm Hải Đăng	15/08/1995	TP.HCM	10.0	8.0	9.0	Giỏi	
16	12D3010023	Phan Công Danh	11/11/1994	Tp.HCM	6.0	8.5	7.3	Khá	
17	13B2250010	Mai Công Danh	26/06/1995	Tây Ninh	4.5	6.0	5.3	Trung bình	
18	12D2010036	Nguyễn Giao Bảo Diên	06/12/1994	TP.HCM	8.5	6.5	7.5	Khá	
19	13D301Đ034	Đỗ Văn Diệp	03/11/1993	Bình Thuận	8.0	5.0	6.5	Trung bình	
20	14000092	Trần Văn Doan	27/05/1996	Thái Bình	6.0	4.0	5.0	Trung bình	
21	13D301Đ038	Hàn Minh Đức	26/08/1995	Quảng Ngãi	7.0	7.0	7.0	Khá	
22	13D2050042	Nguyễn Văn Đức	12/07/1995	Quảng Ngãi	6.0	4.0	5.0	Trung bình	
23	14000310	Nguyễn Ngọc Dung	29/06/1995	Tây Ninh	8.5	6.0	7.3	Khá	
24	13D2050305	Trần Việt Dũng	01/04/1994	Lâm Đồng	9.5	9.5	9.5	Giỏi	
25	13D2010024	Phạm Hoàng Dũng	10/02/1995	Kiên Giang	9.0	8.5	8.8	Giỏi	
26	13D2050019	Hồ Chí Dũng	12/10/1995	Quảng Ngãi	5.0	5.0	5.0	Trung bình	
27	13D2010028	Phạm Vũ Duy	30/04/1995	Kiên Giang	9.5	10.0	9.8	Giỏi	
28	14000023	Dương Nhật Duy	18/06/1996	Bến Tre	7.5	7.0	7.3	Khá	
29	14000137	Lê Hồ Bảo Duy	28/03/1992	Đồng Tháp	7.0	5.5	6.3	Trung bình	
30	HVN	Võ Thị Hạ	12/10/1997	Hà Tĩnh	9.0	3.5	6.3	Trung bình	
31	13D2050049	Nguyễn Phúc Hải	22/03/1995	Đồng Nai	7.5	7.0	7.3	Khá	
32	14000209	Nguyễn Thanh Hải	07/07/1996	Bình Định	6.0	7.0	6.5	Trung bình	
33	14000315	Lý Thị Mỹ Hạnh	03/10/1995	Quảng Ngãi	6.0	4.0	5.0	Trung bình	
34	13D2050064	Trương Khánh Hậu	01/07/1995	Bình Định	5.0	6.0	5.5	Trung bình	
35	13D2010058	Mai Xuân Hiệp	12/03/1995	Bình Định	7.5	4.0	5.8	Trung bình	
36	14000551	Lê Chánh Hiệp	26/12/1996	Long An	8.5	5.5	7.0	Trung bình	
37	14000775	Trương Minh Hiếu	10/10/1995	Bình Thuận	8.5	6.5	7.5	Khá	
38	13B2190005	Nguyễn Trung Hiếu	11/06/1993	TP.HCM	5.0	5.0	5.0	Trung bình	
39	13D2010064	Nguyễn Văn Hiếu	09/10/1995	Bắc Ninh	8.5	4.5	6.5	Trung bình	
40	12D301Đ058	Lê Trung Hiếu	10/02/1994	Bình Thuận	5.0	5.5	5.3	Trung bình	
41	13D2050279	Đỗ Minh Hòa	21/02/1995	Bình Phước	9.0	5.0	7.0	Trung bình	
42	13D2050074	Nguyễn Văn Hoàng	30/10/1994	Bình Phước	6.5	6.0	6.3	Trung bình	
43	14000318	Chi Diễm Huệ	23/03/1996	Tp.HCM	8.5	5.5	7.0	Trung bình	
44	14000034	Phan Thanh Hùng	21/05/1994	Quảng Ngãi	8.5	4.0	6.3	Trung bình	
45	13D2060071	Nguyễn Hoàng Huy	04/11/1995	Long An	8.5	9.0	8.8	Giỏi	
46	13D2050087	Trần Mạnh Huy	10/09/1995	Tp.HCM	8.0	6.5	7.3	Khá	
47	13D2050089	Võ Ngọc Hoàng Huy	30/11/1995	Tiền Giang	7.0	6.5	6.8	Trung bình	
48	HVN	Huỳnh Phan Gia Huy	30/03/1999	Tp.HCM	9.0	3.5	6.3	Trung bình	
49	12B2250023	Mai Văn Huynh	10/11/1993	Nam Định	8.0	3.0	5.5	Trung bình	
50	14000143	Hà Triệu Khang	04/06/1996	Bình Thuận	7.0	3.0	5.0	Trung bình	
51	13B2250033	Hà Duy Khánh	20/03/1994	Tây Ninh	8.0	3.0	5.5	Trung bình	
52	14D2010007	Phạm Thanh Khoa	27/03/1995	TP.HCM	8.0	3.0	5.5	Trung bình	
53	12D2060030	Hạp Tiến Duy Khoa	27/11/1994	Tp.HCM	5.5	4.5	5.0	Trung bình	
54	14000445	Nguyễn Chi Kiệt	15/12/1995	Tiền Giang	6.0	4.0	5.0	Trung bình	
55	HVN	Nguyễn Tấn Kiệt	29/06/2001	Bình Dương	6.0	4.0	5.0	Trung bình	
56	14000320	Nguyễn Thị Ánh Kiều	27/02/1995	Lâm đồng	6.0	4.0	5.0	Trung bình	
57	14000041	Lê Văn Lễ	18/08/1992	Tp.HCM	5.5	6.5	6.0	Trung bình	
58	14000042	Đào Quốc Lịch	02/01/1995	Đồng Nai	7.5	7.5	7.5	Khá	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Nơi sinh	LT	TH	TB	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
59	14000144	Huỳnh Thanh	Lịch	02/09/1996	Đắk Lắk	8.0	4.0	6.0	Trung bình	
60	13D2040061	Lê Hà	Linh	12/02/1995	Long An	9.0	7.0	8.0	Giỏi	
61	14000107	Lưu Bá	Linh	29/09/1994	Thanh Hóa	6.0	5.0	5.5	Trung bình	
62	HVN	Nguyễn Thị Bích	Loan	14/01/1994	Kiên Giang	7.5	5.0	6.3	Trung bình	
63	14000782	Phạm Thê	Lộc	18/06/1996	Kiên Giang	8.0	3.5	5.8	Trung bình	
64	13D301Đ078	Phạm Tấn	Lợi	28/06/1994	An Giang	6.5	7.0	6.8	Trung bình	
65	12D2010092	Phùng Ngọc	Long	20/10/1993	TP.HCM	7.0	8.5	7.8	Khá	
66	13D2050109	Tăng Mông	Long	20/09/1992	Kiên Giang	5.5	6.5	6.0	Trung bình	
67	12D3010074	Nguyễn Bảo	Long	26/05/1994	TP.HCM	8.0	5.0	6.5	Trung bình	
68	12D2060044	Võ Thanh	Luân	09/07/1994	Quảng Ngãi	5.0	5.0	5.0	Trung bình	
69	13D2010109	Trần Duy	Luân	12/10/1995	Quảng Ngãi	6.5	6.0	6.3	Trung bình	
70	12D2010097	Nguyễn Văn	Lưu	29/03/1994	Quảng Ngãi	5.0	9.0	7.0	Trung bình	
71	13D2010122	Hoàng Sỹ	Nam	02/03/1995	Quảng Nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình	
72	14000187	Nguyễn Hoàng	Nam	19/08/1996	Long An	6.5	3.5	5.0	Trung bình	
73	13D301Đ086	Phạm Văn	Nghị	02/06/1995	Bình Định	5.0	5.0	5.0	Trung bình	
74	13D2050124	Lê Đức	Nghĩa	15/07/1995	Long An	8.0	7.0	7.5	Khá	
75	HVN	Nguyễn Trà Phương	Ngọc	19/10/1987	TP.HCM	6.0	4.0	5.0	Trung bình	
76	14000327	Lê Thị Anh	Nguyễn	30/01/1995	TP.HCM	4.5	6.5	5.5	Trung bình	
77	13D301Đ198	Hoàng Chi	Nguyễn	11/06/1995	Cà Mau	8.5	7.5	8.0	Giỏi	
78	13D2040030	Lê Thị	Nhung	08/10/1995	Thanh Hóa	6.5	3.5	5.0	Trung bình	
79	13D2050144	Lê Quang	Phi	18/10/1995	Bình Thuận	8.0	6.5	7.3	Khá	
80	12D2010110	Linh Diệu	Phi	06/08/1994	Đồng Nai	8.5	8.5	8.5	Giỏi	
81	13D301Đ098	Hồ Sỹ	Phong	06/04/1994	Bình Phước	10.0	7.0	8.5	Giỏi	
82	13D301Đ100	Phạm Nguyễn Anh	Phong	28/09/1995	Đồng Tháp	9.0	8.0	8.5	Giỏi	
83	12D3010092	Lê Văn	Phú	28/08/1994	Phú Yên	8.5	3.0	5.8	Trung bình	
84	12D2010112	Bùi Nguyễn Hoàng	Phúc	25/04/1994	Long An	7.0	6.5	6.8	Trung bình	
85	13D2010157	Đỗ Hữu	Phước	17/09/1994	Bình Dương	9.0	9.0	9.0	Giỏi	
86	14000610	Phạm Đình	Phượng	08/03/1995	Đồng Nai	8.0	7.0	7.5	Khá	
87	13D2050154	Nguyễn Văn	Pit	19/06/1993	Đắk Lắk	7.0	3.0	5.0	Trung bình	
88	14000156	Nguyễn Minh	Quân	16/01/1996	TP.HCM	7.0	7.0	7.0	Khá	
89	12D2010119	Nguyễn Thành	Quân	16/08/1994	Bình Thuận	6.0	4.5	5.3	Trung bình	
90	14000155	Lê Thanh	Quân	11/01/1996	Bình Định	9.0	3.0	6.0	Trung bình	
91	13D301Đ108	Võ Tổng Hồng	Quang	25/12/1995	Tp.HCM	7.0	9.0	8.0	Giỏi	
92	13D2050159	Nguyễn Đức	Quý	14/02/1994	Tây Ninh	8.5	6.5	7.5	Khá	
93	12D3010106	Trần Văn	Quý	10/02/1993	Nam Định	7.0	7.5	7.3	Khá	
94	14001070	Ngô Thanh	Quý	15/01/1996	Quảng Ngãi	6.0	5.0	5.5	Trung bình	
95	14000329	Nguyễn Thị Kim	Quỳnh	10/12/1996	Đồng Nai	5.5	4.5	5.0	Trung bình	
96	13D2050163	Nguyễn Hồng	Sang	22/07/1995	Long An	6.0	4.0	5.0	Trung bình	
97	14000160	Đặng Thành	Sĩ	20/04/1994	Ninh Thuận	5.5	4.5	5.0	Trung bình	
98	HVN	Trịnh Thị Minh	Tâm	20/11/1969	Phú yên	6.5	9.0	7.8	Khá	
99	HVN	Phạm Thị Gia	Tâm	30/11/1984	Ninh Thuận	8.0	5.5	6.8	Trung bình	
100	13D301Đ124	Cao Nguyễn Nhật	Tân	02/12/1995	Bến Tre	8.0	9.5	8.8	Giỏi	
101	14000117	Cao Thanh	Tân	12/11/1994	Bình Thuận	9.0	6.5	7.8	Khá	
102	14001074	Nguyễn Quốc	Tân	08/06/1996	Bình Dương	8.0	7.0	7.5	Khá	
103	12D2010140	Nguyễn Văn	Tân	11/09/1993	Lâm Đồng	4.5	6.0	5.3	Trung bình	
104	12D2010141	Phạm Minh	Tân	19/10/1992	Long An	5.5	4.5	5.0	Trung bình	
105	13D301Đ128	Lâm Ngọc	Thach	23/06/1994	Bình Thuận	9.0	9.0	9.0	Giỏi	
106	14000567	Hà Hoàng	Thái	25/08/1995	Đồng Nai	7.0	9.0	8.0	Giỏi	
107	13D2010187	Lê Quang	Thái	18/03/1995	Bến Tre	5.5	4.5	5.0	Trung bình	
108	14000332	Lê Thị	Thắm	27/01/1994	Thanh Hóa	6.0	7.0	6.5	Trung bình	
109	15002736	Đặng Văn	Thắng	05/10/1997	TP.HCM	5.0	5.0	5.0	Trung bình	
110	13D2050178	Lưu Công	Thắng	22/07/1995	Bình Định	8.5	4.5	6.5	Trung bình	
111	12D2010157	Sử Hải	Thanh	27/10/1992	Đồng Nai	8.5	4.0	6.3	Trung bình	
112	13D2050188	Nguyễn Hoài	Thanh	25/01/1995	TP.HCM	7.0	5.5	6.3	Trung bình	
113	13D2050185	Lê Hoài	Thanh	06/07/1995	Quảng Ngãi	6.0	5.5	5.8	Trung bình	
114	14000569	Nguyễn Văn	Thảo	05/06/1992	Bình Thuận	8.5	10.0	9.3	Giỏi	
115	14000336	Phạm Thị	Thi	08/05/1996	Lâm Đồng	7.0	3.0	5.0	Trung bình	
116	13D2050197	Phạm Văn	Thiên	12/07/1995	Quảng Ngãi	6.0	6.0	6.0	Trung bình	
117	13D2010199	Đinh Xuân	Thiên	06/08/1995	Bình Thuận	8.5	7.0	7.8	Khá	
118	13D2010268	Võ Hoàng	Thiện	21/07/1995	Bình Phước	7.0	4.0	5.5	Trung bình	
119	14000168	Tôn Phúc	Thịnh	22/10/1996	Quảng Ngãi	9.0	3.5	6.3	Trung bình	
120	13D301Đ146	Nguyễn Văn	Thuân	12/08/1995	Bình Thuận	8.0	9.0	8.5	Giỏi	
121	13D2010265	Nguyễn Duy	Thuân	26/06/1995	Bến Tre	6.0	5.5	5.8	Trung bình	
122	13D2050205	Nguyễn Thành	Thức	24/03/1995	Tp.HCM	7.5	4.0	5.8	Trung bình	
123	13D2050209	Trần Văn	Thương	27/09/1995	Bình Thuận	7.0	6.0	6.5	Trung bình	
124	HVN	Đào Thị Hoài	Thương	02/08/1991	Nghệ An	7.0	5.5	6.3	Trung bình	
125	13D2010214	Võ Duy	Thuyền	10/10/1995	Quảng Ngãi	6.0	4.0	5.0	Trung bình	
126	12D2050077	Nguyễn Văn	Ti	25/02/1992	Đồng Tháp	5.5	5.5	5.5	Trung bình	

HANH
 TRƯỞNG
 CAO ĐẲN
 KỸ THUẬT
 TỰ TRỊ
 HỒ CHÍ

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Nơi sinh	LT	TH	TB	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
127	13D2050212	Phạm Minh Tiến	17/01/1995	Tiền Giang	6.0	4.0	5.0	Trung bình	
128	13B2250097	Nguyễn Thanh Tiếp	12/10/1995	Tây Ninh	6.0	4.0	5.0	Trung bình	
129	14000470	Dương Văn Tín	09/06/1996	Bình Định	6.0	4.0	5.0	Trung bình	
130	13D2050219	Nguyễn Văn Toàn	09/11/1995	Bình Định	8.5	5.0	6.8	Trung bình	
131	13D2050222	Nguyễn Thành Trí	24/03/1995	Tp.HCM	5.0	9.5	7.3	Trung bình	
132	14000073	Trần Hữu Trí	19/08/1996	Vũng Tàu	5.5	8.0	6.8	Trung bình	
133	14000574	Nguyễn Huỳnh Triết	11/04/1996	Tiền Giang	8.0	3.5	5.8	Trung bình	
134	13D2050224	Nguyễn Quốc Triệu	02/08/1994	Tây Ninh	8.0	4.0	6.0	Trung bình	
135	14000129	Phùng Văn Trọng	05/09/1995	Đắk Lắk	8.0	3.5	5.8	Trung bình	
136	HVN	Hồ Thanh Trúc	26/06/2002	Bình Dương	8.0	5.5	6.8	Trung bình	
137	13D301Đ158	Đỗ Tiến Trung	02/11/1994	Đồng Nai	5.0	5.0	5.0	Trung bình	
138	13D301Đ161	Phạm Minh Trung	27/07/1995	Tiền Giang	7.5	5.0	6.3	Trung bình	
139	HVN	Trần Thành Trung	25/01/1999	Tp.HCM	8.0	5.5	6.8	Trung bình	
140	12D2010180	Nguyễn Thành Trung	03/01/1994	Tiền Giang	4.0	6.0	5.0	Trung bình	
141	12D2010179	Nguyễn Quốc Trung	24/09/1993	Bà Rịa - Vũng tàu	5.0	9.0	7.0	Trung bình	
142	13D301Đ163	Mai Ngọc Trước	07/09/1994	Ninh Thuận	5.0	5.0	5.0	Trung bình	
143	13D301Đ164	Đàm Quốc Tú	10/01/1994	Lâm Đồng	6.0	5.0	5.5	Trung bình	
144	14000131	Trương Văn Minh Tuấn	21/01/1994	TP.HCM	9.0	8.0	8.5	Giỏi	
145	14000077	Nguyễn Tài Tuấn	14/01/1993	Ninh Thuận	8.0	4.0	6.0	Trung bình	
146	13D2050242	Phạm Hoàng Anh Tuấn	26/09/1994	Lâm Đồng	7.0	6.0	6.5	Trung bình	
147	12D2010197	Nguyễn Văn Tuấn	18/08/1994	Bà Rịa - Vũng tàu	6.5	4.0	5.3	Trung bình	
148	13D301Đ170	Phan Văn Tuệ	05/08/1993	Sông Bé	5.5	9.0	7.3	Trung bình	
149	13D2010249	Danh Tùng	29/06/1995	Kiên Giang	7.5	7.0	7.3	Khá	
150	14000078	Hồ Xuân Tùng	28/02/1996	Quảng Nam	8.0	5.5	6.8	Trung bình	
151	13D2050303	Nguyễn Minh Tuyển	06/05/1994	Quảng Trị	5.5	4.5	5.0	Trung bình	
152	14000341	Thân Thị Tuyển	30/03/1996	Bình Thuận	7.0	4.5	5.8	Trung bình	
153	13D2050249	Nguyễn Công Vĩ	01/10/1995	Đắk Lắk	9.0	3.0	6.0	Trung bình	
154	14000080	Trần Ngọc Viên	01/12/1996	Bình Định	4.0	6.0	5.0	Trung bình	
155	13D2050257	Trịnh Văn Vinh	01/02/1995	Đắk Lắk	7.5	8.0	7.8	Khá	
156	13D2050255	Lý Quốc Vinh	17/03/1994	Long An	8.0	6.0	7.0	Khá	
157	14000584	Nguyễn Mạnh Thanh Vinh	16/12/1996	Bình Thuận	7.5	3.5	5.5	Trung bình	
158	13D2050254	Huỳnh Lê Vinh	27/06/1995	TP.HCM	9.0	5.5	7.3	Trung bình	
159	14000082	Nguyễn Hải Vinh	24/04/1994	Vũng Tàu	6.5	3.5	5.0	Trung bình	
160	14000081	Huỳnh Văn Vinh	01/02/1995	Bình Thuận	10.0	4.0	7.0	Trung bình	
161	13D301Đ184	Nguyễn Thanh Vũ	05/07/1995	Bình Thuận	8.0	3.0	5.5	Trung bình	
162	13D2010262	Nguyễn Trần Tuấn Vũ	23/09/1995	Đồng Tháp	8.0	4.0	6.0	Trung bình	
163	12D2010196	Dương Lý Vương	08/03/1993	Ninh Thuận	8.5	4.0	6.3	Trung bình	
164	HVN	Trần Ngọc Yên Vy	12/07/2001	Tp.HCM	9.0	9.0	9.0	Giỏi	
165	14B2050034	Trần Thị Thảo Vy	15/03/1994	Quảng Trị	6.0	8.0	7.0	Khá	
166	12D3010179	Hà Trọng Xá	06/03/1993	Cà Mau	6.0	4.0	5.0	Trung bình	
167	13D2050262	Hồ Thanh Xuân	18/10/1995	Bình Định	6.0	4.0	5.0	Trung bình	

(Danh sách có 167 học viên)

TP.HCM, ngày 02 tháng 12 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG

